Chương 18 An toàn khi dùng thuốc cho bà bầu
（第十八章 孕婦用藥安全）

Cấp độ an toàn khi dùng thuốc cho bà bầu
（懷孕用藥安全級數）

Bà bầu cần tránh những thuốc không cần thiết, cố gắng sử dụng điều trị bằng thức ăn hoặc thay đổi thói quen sinh hoạt.

Cấp A: Đối chiếu lâm sàng cho thấy là an toàn cho bà bầu
Cấp B: Không có đối chiếu xét nghiệm lâm sàng, xét nghiệm ở động vật cho thấy là an toàn và không có phản ứng xấu, đối chiếu lâm sàng không có vấn đề gì
Cấp C: Xét nghiệm động vật cho thấy có dị tính, nhưng không có xét nghiệm đối chiếu ở người hoặc thiếu thông tin xét nghiệm lâm sàng
Cấp D: Có dị tính, nhưng có thể sử dụng trong điều trị (lợi nhiều hơn hại)
Cấp X: Bà bầu tuyệt đối không được sử dụng

Nhân tố quyết định việc bà bầu uống thuốc sẽ ảnh hưởng tới thai nhi
（孕婦用藥對胎兒造成影響的決定因素）

1. Đặc tính gây quái thai của thuốc, thuốc có kết hợp với Protein không, phương thức chuyển hóa thuốc
2. Thời gian dùng thuốc ở thời kỳ mang thai nào
3. Thời gian và liều lượng dùng thuốc
4. Phương thức uống thuốc
5. Tình hình chảy máu tử cung của người mẹ
6. Khả năng chuyển hóa cơ thể người mẹ, mức độ mỡ cơ thể

Ảnh hưởng của dược liệu đối với thai
（藥物對胚胎的影響）

Theo tình hình phát triển của thai có thể chia:

Thời kỳ tiền lâm sàng	0-2 tuần	Thông thường không dẫn tới dị dạng thai nhi
Thời kỳ phôi thai	3-8 tuần	hời kỳ then chốt, thời kỳ hình thành cơ quan, dẫn tới thai nhi dị dạng hoặc chết lưu
Thời kỳ thai nhi	9-16 tuần	Có thể dẫn tới hở lợi hoặc cơ quan sinh dục thai nhi nữ trở thành nam
Thời kỳ thai nhi	16 tuần đến trước sinh	Thai nhi sinh trưởng hoàn toàn, có thể dẫn tới chức năng sinh lí thai nhi bị dị thường

Giải quyết hiện tượng thường gặp ở bà bầu（孕婦常見症狀的處理）

1. Nôn（噁心）**:**

(1) Nguyên nhân xảy ra: Hiện tượng thường gặp ở thời kỳ đầu mang thai, đủ 12 tuần sẽ hết.

(2) Phương pháp giải quyết: Duy trì sự ổn định chất dinh dưỡng trong cơ thể, bổ sung vitamin B6.

2. Cảm giác nóng dạ dày（胃灼熱感）**:**

(1) Nguyên nhân: Khoang bụng và cơ hoành tăng lên khiến bụng bị ép.

(2) Phương pháp xử lý: ăn nhiều bữa với lượng ít một, tránh đồ uống ngọt, sử dụng hợp lý thuốc kiểm soát a xít trong dạ dày, hoặc viên thuốc kiểm soát a xít trong dạ dày.

3. Táo bón（便秘）**:**

(1) Nguyên nhân: tử cung mở rộng, ép vào đường ruột khiến đường ruột bị động trở nên trùng xuống.

(2) Phương pháp xử lý; uống nước , vận động hợp lý, thuốc giãn đường ruột hoặc thuốc nhuận tràng.

4. Bệnh trĩ（痔瘡）**:**

(1) Nguyên nhân: tử cung mở rộng ép vào tĩnh mạch gần trực tràng , từ đó gây ách tắc lưu thông máu.

(2) Phương pháp xử lý: cố gắng dùng cao điều trị bệnh trĩ hoặc dùng thuốc đút giảm đau cục bộ để việc đại tiện được thuận Lợi.

5. Cảm cúm（感冒）**:**

Phương pháp xử lý: uống nhiều nước trắng, nghỉ ngơi nhiều, không nên tự mua thuốc uống.Những thuốc cảm cúm và thuốc hô hấp đa số thuộc cấp C.

Nguyên tắc dùng thuốc cho bà bầu（孕婦用藥的原則）

1. Không có sự hướng dẫn của bác sỹ hoặc dược sỹ, bà bầu không được tự ý thêm thuốc hoặc tùy tiện dừng thuốc.
2. Dùng ít thuốc, đặc biệt là 3 tháng đầu thời k mang thai, nên thảo luận với bác sỹ.
3. Những người đang mang thai hoặc có khả năng mang thai, khi đi khám bệnh cần thông báo cho bác sỹ hoặc dược sỹ.
4. Những người đã sử dụng thuốc, cần thảo luận với bác sỹ hoặc dược sỹ có nên dừng thuốc hay không.

Ảnh hưởng của thuốc thường dùng đối với thai nhi（常用藥品對胎兒的影響）

Tên thuốc	Ảnh hưởng đối với thai nhi
Tetracyclines	Cản trở sự phát triển của xương, răng biến màu
Sulfa	Gây vàng da
Chloromycetin	Bệnh sạm da ở trẻ
Thuốc tuyến giáp	Trí năng thai nhi chậm phát triển
Vitamin A quá liều	Thai nhi chậm phát triển, áp lực họp sọ tăng cao
Vi tamin D quá liều	Trí năng thai nhi chậm phát triển, tăng ca li máu

Những bà mẹ uống thuốc gây dị dạng thai nhi nhất định sẽ sinh ra những đứa trẻ có vấn đề?（使用致畸胎性藥品的媽媽一定會生出有問題的孩子？）

1. Không nhất định như vậy, nhưng xác suất sinh ra những đứa trẻ có khiếm khuyết khoảng 3-6%, rủi ro quái thai tăng khoảng 5 lần trở lên.
2. Nếu sử dụng thuốc gây quái thai thì cần phải sau khi dừng thuốc một thời gian mới được có thai lại.
3. Những thuốc chống động kinh, thuốc tuyến giáp đều thuộc nguy cơ rủi ro mang thai loại D, nhưng bản thân bệnh cũng gây ảnh hưởng rất cao đối với thai nhi.

Chương 19 Giáo dục tình dục cho thanh thiếu niên
（第十九章 青少年性教育）

Hành vi tình dục nguy hiểm（危險性行爲）

Khi quan hệ tình dục với đối tượng không an toàn mà không đeo bao cao su thì hai bên có thể sẽ có sự tiếp xúc thể dịch mà chủ yếu là tinh dịch , dịch âm đạo. Nếu một trong hai bên mắc bệnh về đường tình dục thì có thể sẽ gây ra lây nhiễm. Không đeo bao khi quan hệ tình dục có thể khiến cho tinh dịch chui vào cơ thể bạn nữ, dẫn tới có thai.

Phương pháp tránh thai（避孕方法）

1. Đeo bao cao su
2. Thuốc uống tránh thai
3. Dụng cụ tránh thai trong tử cung
4. Nữ hoặc nam đã thắt ống dẫn

Bao cao su dành cho nam（男用保險套）

1. Hiệu quả tránh thai cao, tránh thai 100%
2. Dự phòng các bệnh tình dục- Bệnh sida, bệnh giang mai, bệnh sùi mào gà, bệnh lậu
3. Không có tác dụng phụ- đơn giản, tiện lợi, an toàn
4. Rất mỏng- dường như quên đi sự tồn tại của nó

Viên tránh thai uống sau khi quan hệ dành cho nữ（女性口服事後避孕丸）

1. Sau khi quan hệ tình dục,trong vòng 72 tiếng,uống càng sớm càng tốt
2. Trong 1 chu kỳ kinh nguyệt, tối đa có thể uống 3 lần

Nạo thai sau khi mang thai（懷孕之後的人工流產）

1. Viên thuốc uống ra thai - RU486（trong vòng ½ tháng sau khi mang thai)
2. Làm phẫu thuật vét tử cung (trong vòng 5 tháng rưỡi sau khi mang thai)

Thuốc uống tránh thai cho nữ（女用口服避孕藥）

1. Cách dùng: nữ uống định kỳ mỗi ngày một viên (trước khi ngủ)
2. Đối tượng: thích hợp sau hôn nhân
3. Đặc tính: hiệu quả tránh thai tốt, ít tác dụng phụ, nhưng không thể dự phòng bệnh tình dục

Thắt ống dẫn（結紮）

1. Thắt ống dẫn ở nữ: ngăn không cho trứng chui ra, không nhận được tinh trùng.
2. Thắt ống dẫn ở nam: tinh dịch tiếp tục sản sinh , không ảnh hưởng phóng tinh. Tinh trùng không phóng ra nữa, mà bị cơ thể hấp thu.

Bệnh truyền nhiễm do hành vi（經由性行爲傳染的疾病）

1. Sida
2. Bệnh lậu
3. Bệnh giang mai
4. Bệnh sùi mào gà
5. Chlamydia
6. Bệnh herpes
7. Viêm gan B

Chương 20 Nhận biết về Sida
（第二十章 認識愛滋）

Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải（Acquired Immune Deficiency Syndrome）, gọi tắt là AIDS, gọi thông thường là Sida. AIDS là bệnh do vi rút suy giảm miễn dịch ở người (HIV) gây ra. Căn bệnh này phá hoại hệ thống miễn dịch của con người, khiến con người mất đi khả năng đề kháng bệnh tật, dẫn tới nhiễm các loại bệnh từ đó mất mạng. Hiện nay chưa có vắc xin và không thể trị liệu.

Con đường lây nhiễm bệnh（愛滋的傳染途徑）

1. Truyền nhiễm do quan hệ tình dục(性行爲傳染)：

Khi quan hệ tình dục theo đường miệng, hậu môn hoặc âm đạo Iới người nhiễm bệnh hoặc khi tiếp xúc thể dịch khác có thể khiến virut từ niêm mạc của người này xâm nhập qua vết thương của người khác gây nhiễm bệnh.

2. Lây nhiễm qua đường máu（血液傳染）：

（1）Tiếp máu hoặc tiếp xúc với máu hoặc thuốc chế từ máu của người nhiễm bệnh Sida
（2）Cùng chung đầu kim, xi lanh với người nhiễm Sida
（3）Cấy ghép cơ quan của người nhiễm bệnh

3. Lây nhiễm từ mẹ sang con（母子垂直傳染）：

Người mẹ bị nhiễm Sida có khả năng lây nhiễm sang con khoảng 15-50%, trong thời gian mang thai, sinh đẻ hoặc cho con bú sẽ truyền bệnh cho đứa con. Vì thế, trước khi mang thai, người mẹ nên đi xét nghiệm bệnh Sida.

Nỗi lo sợ sai lầm（錯誤的恐懼）

1. Trừ khi có quan hệ tình dục hoặc tiếp xúc qua đường máu, còn không không cần lo lắng.
2. Dùng chung điện thoại, các dụng cụ, cùng lên lớp, làm việc , ôm hôn hay bị ho đều không gây truyền nhiễm.

Dự phòng bệnh Sida（預防愛滋）

1. Có bạn tình cố định, không quan hệ tình dục với người lạ. Trong suốt quá trình quan hệ nên đeo bao cao su.
2. Tránh dùng chung bàn chải, dao cạo râu, xilanh, dụng cụ nhiễm máu.
3. Trước khi kết hôn, hay sinh đẻ cần xét nghiệm Sida.